KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ

1. Khối lượng kiến thức

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

	Khối kiến thức và lập luận về ngành	Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	**Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành**	**26**	21,49
1.2	**Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi**	**32**	26,45
1.3	**Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ**	**31**	25,62
1.4	**Kiến thức nền tảng rộng**	**22**	18,18
1.4.1	Khoa học tự nhiên	5	4,13
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9,09
1.4.3	Pháp luật	2	1,65
1.4.4	Tin học	4	3,31
1.5	**Kiến thức khác ngành**	**2**	1,65
1.6	**Kiến thức đại cương khác**	**8**	6,61
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	8	6,61
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
	Tổng cộng:	**121**	**100%**

2. Khung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ (*Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT*)					Mã HP Trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH/TN**	**ĐA**	**TT**		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				**26**						
1.1.1	***Các học phần bắt buộc***			***24***						
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3					
1.1.1.2	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3					
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistical theory	2	2				TCC21122 LXSTK1123L	
1.1.1.4	KHQL0222H	Khoa học quản lý	Management Science	2	2					
1.1.1.5	LLĐO1022H	Luật lao động	Labor Law	2	2				PLĐC1022H	
1.1.1.6	KTPT0522	Kinh tế phát triển	Development	2	2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ *(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)*					Mã HP Trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH/TN**	**ĐA**	**TT**		
	H		Economics							
1.1.1.7	DSOH0222H	Dân số học	*Demography*	2	2					
1.1.1.8	DSPT0222H	Dân số và phát triển	Population and Development	2	2				DSOH0222H	
1.1.1.9	TKLĐ1322H	Thống kê lao động	Labor Statistics	2	2				NLTK1322H	
1.1.1.10	KTLU1122H	Kinh tế lượng	Econometrics	2	2				ViMO0523H VĩMO0523H TCC21122 TCB21222H XSTK1123	

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ *(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)*					Mã HP Trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH/TN**	**ĐA**	**TT**		
									L	
1.1.1.11	QLKT0222H	Quản lý nhà nước về kinh tế	State management of economy	2	2				KHQL0222H	
1.1.2	***Các học phần tự chọn (chọn 1/2)***			***2***						
1.1.2.1	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	Investment Economics	2	2					
1.1.2.2	TCTT0122H	Tài chính - tiền tệ	Money and Finance	2	2					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				**32**						
1.2.1	***Các học phần bắt buộc***			***30***						
1.2.1.1	TQKT0222H	Tổng quan Kinh tế lao động	Overview of Labor economics	2	2					
1.2.1.2	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	Salary principles	2	2					
1.2.1.3	NLQH0222	Nguyên lý quan hệ lao động	Principles of	2	2				LLĐO1022	

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH/TN**	**ĐA**	**TT**		
	L		Industrial Relations						H	
1.2.1.4	TCLĐ0223H	Tổ chức lao động khoa học	Scientific Labor Management	3	3					
1.2.1.5	HTTT0222H	Hệ thống thông tin thị trường lao động	Labour market information systems	2	2				PTTT0222H	
1.2.1.6	PTTT0222H	Phân tích thị trường lao động	Labour market analysis	2	2				NNLU0222H VĩMO0523H	
1.2.1.7	NNLU0222H	Nguồn nhân lực	Human Resources	2	2				DSPT0222H	
1.2.1.8	CLNL0222H	Chiến lược nguồn nhân lực	Human Resource Strategy	2	2				HTTT0222H	

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH/TN**	**ĐA**	**TT**		
1.2.1.9	QTNL0223H	Quản trị nhân lực	Human Resources Management	3	3					
1.2.1.10	HĐNL0223H	Hoạch định nhân lực	Human resource planning	3	3					
1.2.1.11	QKVC0222H	Quản trị nhân lực trong khu vực công	Human Resources Management in the public sector	2	2					
1.2.1.12	PTLĐ0222H	Phân tích lao động - xã hội	Social - labour analysis	2	2					
1.2.1.13	CSBH0423L	Chính sách Bảo hiểm xã hội	Social insurance policy	3	3					
1.2.2	***Các học phần tự chọn (chọn 1/2)***			***2***						
1.2.2.1	TCBM0222H	Nguyên lý tổ chức bộ máy	Principles of Organizational Management	2	2				KHQL0222H	

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH/TN**	**ĐA**	**TT**		
1.2.2.2	ĐTXH0222H	Đối thoại xã hội trong quan hệ lao động	Social Dialogue In Industrial Relations	2	2				NLQH0222L	
1.3. Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				**31**						
1.3.1	***Các học phần bắt buộc***			***13***						
1.3.1.1	QTLĐ0223H	Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	Compensation Management in enterprises	3	3				NLTL0222H	
1.3.1.2	VSLĐ0222H	Quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh lao động	State Management of Occupational Safety and Health	2	2				LLĐO1022H	
1.3.1.3	QLNN0222L	Quản lý nhà nước về lao động	State Management of Labour	2	2				LLĐO1022H	
1.3.1.4	LKVC0223H	Tiền lương trong khu vực công	Salary in the pubic sector	3	3				NLTL0222H	

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH/TN**	**ĐA**	**TT**		
1.3.1.5.	THKT0223T	Thực hành Kinh tế lao động	Labour economics practice	3		3			TQKT0222H	
1.3.2	***Học phần tự chọn (Mỗi nhóm chọn 4 trong 8 học phần)***			***8***						
1.3.2.1	CSTL0222H	Chính sách tiền lương	Salary policy	2	2					
1.3.2.2	XDBL0222H	Xây dựng thang bảng lương	Planning of payroll scale	2	2				QTLĐ0223H	
1.2.2.3	TCBM0223H	Tổ chức bộ máy và phân tích công việc	Organizational structure and Job analysis	2	2					
1.3.2.4	KTMT0222L	Kinh tế môi trường	Environmental Economics	2	2					
1.3.2.5	TTLĐ0222H	Thanh tra lao động	Labour Inspection	2	2				LLĐO1022H	

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ *(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)*					Mã HP Trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH/TN**	**ĐA**	**TT**		
1.3.2.6	ĐLLĐ0222H	Tạo động lực lao động	Work Motivation	2	2					
1.3.2.7	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	Sociological survey	2	2					
1.3.2.8	QLDN0222H	Quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp	State Management of Vocational Training	2	2				NNLU0222H	
1.3.3	***TTKT0224T***	***Thực tập cuối khóa***	Final Internship	**4**				4	HĐNL0223H QKVC0222H	
1.3.4	***Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)***			**6**	6					
1.3.4.1	CSXH0223	Chính sách lao động - xã hội	*Labour and social*	3	3				PTTT0222	

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH/TN**	**ĐA**	**TT**		
	H		*policies*						H	
1.3.4.2	KTLĐ0223H	Kinh tế lao động	Labor economics	3	3					
1.3.4.3	ĐTNL0223H	Đào tạo và phát triển nhân lực	Human Resource Training	3	3					
1.3.4.4	TCNL0223H	Tuyển dụng và sử dụng nhân lực	Recruitment and Staffing	3	3					
1.3.4.5	KLKT0226T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6			6		TTKT0224T	
1.4. Kiến thức nền tảng rộng				**22**						
1.4.1. Khoa học tự nhiên				***5***						
1.4.1.1	TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced Mathematics 2	2	2					
1.4.1.2	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Probability and Statistics	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH/TN**	**ĐA**	**TT**		
1.4.2. Khoa học chính trị				***11***						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist - Leninist philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist Leninist Political Economics	2	2				THML0723H	
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2				THML0723H KTCT0722H	
1.4.3. Pháp luật				***2***						

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ *(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)*					Mã HP Trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH/TN**	**ĐA**	**TT**		
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
1.4.4. Tin học				***4***						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.4.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2				TCB11222H	
1.5. Kiến thức khác ngành				**2**						
1.5.1	***Học phần tự chọn (chọn 1/2)***									
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text Editor	2	2					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Scientific research methodology	2	2					
1.6. Kiến thức đại cương khác				**8**						
1.6.1. Ngoại ngữ				***8***						
1.6.1.1	TAC10622	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH/TN**	**ĐA**	**TT**		
	H									
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3				TAC10622H	
1.6.1.3	TALD0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế lao động	English for labour economics	3	3				TAC10622H TAC20623H	
1.6.2. Giáo dục thể chất (3 TC)										
1.6.2.1	**Các học phần bắt buộc**									
	TDĐK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics	1	1					
1.6.2.2	**Các học phần tự chọn (2/6 HP)**									
	BOC11421T	Bóng chuyền 1	Volley ball 1	1	1					
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volley ball 2	1	1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH/TN**	**ĐA**	**TT**		
	BOR11421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1	1					
	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1	1					
	CAL11421T	Cầu lông 1	Badminton 1	1	1					
	CAL21421T	Cầu lông 2	Badminton 2	1	1					
1.6.2.3	**Các học phần dành cho sinh viên hạn chế về sức khỏe**									
	COV11421L	Cờ vua 1	Chess 1	1	1					
	COV21421L	Cờ vua 2	Chess 2	1	1					
	COV31421L	Cờ vua 3	Chess 3	1	1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH/TN**	**ĐA**	**TT**		
1.6.3. Giáo dục quốc phòng *(165 tiết)*										
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	National defense and security guidelines of Vietnam communist party	3	3					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National defense and security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	General military	1	1					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics	2	2					
Tổng cộng				**121**						